

Đề bài:

**Phân tích
tác phẩm
Tỏnhi Kiều
của Xuân Diệu.**

Bài làm

Đọc xong thiên truyện, gấp sách lại rồi mà nỗi buồn hiu quạnh, nỗi buồn lạnh lẽo mênh mang lan tỏa... cứ vây vắt lòng ta. *Tỏa nhị Kiều* đến với ta đâu phải bằng cốt truyện cầu kì, những chi tiết sâu sắc. Cái độc đáo còn lại là dư âm thấm lòng của người nghệ sĩ, là tình thương chân thành với những cảnh đời quanh quẩn tù túng trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. *Tỏa nhị Kiều* của Xuân Diệu có một sức cảm hóa, một mối dây liên hệ với trái tim độc giả bằng vẻ đẹp nội tại trong linh hồn của nó.

Bài thơ hay trước hết phải đẹp: đẹp ở lí tưởng, ở câu chữ, cái đẹp toát ra từ tâm hồn người thi sĩ. Nhưng một tác phẩm truyện ngắn, muốn lay động lòng người, thức tỉnh và làm bừng sáng phần lương tri con người lại phải tiếp cận cuộc sống, khám phá và biểu hiện cuộc sống ở một góc độ riêng biệt. Xuân Diệu có cách nói riêng của mình, rất nghệ sĩ. Tác giả chớp lấy những mặt cắt, những sự việc cụ thể để mà trực tiếp bộc lộ cảm nghĩ, suy tưởng của mình về cuộc đời, về con người. *Tỏa nhị Kiều* trong tập *Phấn thông vàng* (1938) thuộc loại thể “truyện ý tưởng”. Ý nghĩa tư tưởng tác phẩm được bộc lộ qua cảm nghĩ của chủ thể trữ tình.

Xuyên suốt thiên truyện là một nỗi thương vay nhưng là một nỗi thương da diết và day dứt. Thiên truyện tự chia làm 5 khúc. Nhưng thực ra, xét đến cùng, nó tự hoàn tất ý nghĩa bộc lộ trong hơi văn liền mạch, ở chất thơ lan tỏa trong mạch nổi từng đoạn. Không hiểu sao, lần đầu tiên tiếp xúc với tác phẩm, sức lôi cuốn của nó với tôi chưa phải ở tư tưởng mà lại ở chính chất thơ, chất tình man mác mà sâu lắng. Nó như một chất men say cuốn hút người ta, bắt người ta phải đọc lại, cảm nhận và nắm bắt trong trường liên tưởng sâu xa, trong cái toàn khối. Phải chăng, khi sáng tác văn xuôi, thi nhân đã để cho “hồn thơ bát ngát và mơ màng” (Vũ Ngọc Phan) của mình chi phối vào câu chữ lúc nào không hay biết. “Nó là bài thơ trường thiên không vắn, không điệu, nó là những bài thơ tự do để phô diễn hết cả cảm tưởng của tác giả về những người, những vật, tuy chỉ có những cuộc đời rất nhỏ, nhưng gợi hứng cho thi nhân lại nhiều”.

“Tôi thương hai cô như hai con vật ngẩn ngơ trong rừng lạnh, khi chiều giăng lưới qua muôn gốc cây. Buổi chiều của hai cô mờ nhạt và kéo dài, hai cô lẫn trong sương mù (...) Không, hai cô là hai cô gái, chỉ biết buồn mờ, buồn lặng, nhưng buồn lâu. Hai cô là hai cánh đồng...”.

Câu chữ trải dài theo không gian... Không thể rạch ròi phân biệt ý nghĩa nội dung và hình thức ở đây được. Chỉ có cái dư âm, dư vị, cái hơi gió, hơi mây, hơi sương. Chỉ có Xuân Diệu ủa tràn tâm trí mình mà đón nhận, chấp nhận và đồng cảm cùng nỗi buồn da diết. Chất thơ trữ tình ấy, tôi đâu dám đọc to, chỉ muốn thu nhận, cảm nhận nó bằng linh hồn và trái tim mình, để rồi lắng vào trong suy tưởng. Dường như trong cái giây phút thăng hoa tuyệt đỉnh đó, chỉ có sự giao hòa giữa trái tim với trái tim, linh hồn với linh hồn,

tinh thần người cảm thụ và nhạc điệu say nồng trong cấu tứ bài văn. Nhưng cảm nhận cái buồn buồn lan tỏa, cái hiu quạnh tù đọng đang giăng trải, lây lan cùng chất thơ ấy, ta mới càng khâm phục tác giả – khâm phục một tài năng có độ chín trong sáng tạo nghệ thuật.

Chất thơ trong *Tỏa nhị Kiều* đã hòa trong nỗi “thương vay” của Xuân Diệu. Thi nhân thương từ những con người đến con đường, thương những lối ngõ, những ngôi nhà... thương tất cả những cái gì “lỡ cỡ” (chữ dùng của Xuân Diệu). Thi nhân thương cái “buồn buồn đến khó chịu”, thương anh bạn “âm thầm” khiến tác giả “bùi ngùi”, “ngùi ngùi” một cách tưởng như là vô lí. Lòng thi nhân mệnh mông, tình thi nhân rộng mở mà trái tim thi nhân thôn thức chấp nhận ôm nỗi “thương vay”. Phải chăng, trái tim ấy đồng điệu với những tâm hồn nghệ sĩ, sinh ra để yêu con người, yêu thế giới tạo vật, yêu tất cả những gì thuộc về Chân, Thiện, Mĩ. Tư tưởng nhân văn cao quý của tác phẩm được bộc lộ ở đó.

Ở đoạn đầu, tình thương chưa được triển khai cụ thể và hơi sâu. Mới chỉ là “bùi ngùi” đã từ tác phẩm đi vào lòng tôi mạnh mẽ đến lạ lùng. Ở đây không phải Xuân Diệu để lòng mình cảm thương cho số kiếp đói nghèo, cho những mảnh đời quần quai trong xã hội phong kiến hay cái bất công, giả dối, tàn ác đang bày ra, đang lấn át, chèn ép; rõ ràng từ cách nhận thức đến bộc lộ, nỗi thương ấy xuất phát từ cái “lỡ cỡ”, “long chừng” “xui lòng tôi không đủ có mà buồn nữa kia”. Những con người, những sự vật – tất thảy đều không trọn vẹn, hoàn tất, không nằm trong cái toàn bích của tạo hóa tự nhiên. Anh bạn âm thầm có tên là Phan cũng không ranh mãnh, không ồn ào, nghịch ngợm, thẳng hoạc ta mới gặp trên môi anh một phần sáu nụ cười. Mọi vật đều buồn buồn một cách lung chừng, cái buồn không hoàn thiện. không trọn vẹn – cái buồn một nửa.

Nếu biết rằng, trong cả cuộc đời mình, thi nhân đều sống *Vội vàng*, cuống quýt, gấp gáp, khẩn trương.

Mau với chứ vội vàng lên với chứ...

và khao khát giao hòa linh hồn cùng trời đất, cỏ cây, giao hòa cùng vũ trụ:

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi

hay:

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn

(Vội vàng)

thì mới hiểu hơn bao giờ hết nỗi chán chường tuyệt vọng trong cái lung chừng lỡ cỡ. Hầu như trong cả thế giới ấy, không có cái gì đặc sắc không có

cái gì đi hết bản thân. Một phở heo lánh, một mảnh sân nhỏ, con đường sắc xanh không rải nhựa, dây phở lạng lẽ, gian nhà không chút đặc biệt, căn phòng không sáng sủa... Có cái gì không vĩnh viễn trong cả những cái đang tồn tại... Nhưng tất cả không hề in dấu ấn của chủ nghĩa bi quan, đối lập cái hữu hạn của đời người với cái vô hạn của vũ trụ. Chỉ là một niềm thương cảm, thương đến vô cùng con đường không đủ rộng cũng không đủ hẹp. Và nữa, thương cái vẻ hơi gập ghềnh đến nét phong lưu nghèo nghèo một ít. Nỗi niềm tâm trạng ấy cứ lan ra, mệnh mang khôn cùng. Tôi cứ nghĩ về tấm lòng người nghệ sĩ, chân thật mà nhân ái đến nhường nào. Tâm hồn họ bao trùm mọi hoa lá, cỏ cây... Chỉ ngần ấy thôi, cũng đã đủ làm cho Xuân Diệu tinh tế cảm nhận “cuộc đời bồng quạnh hiu làm cho nhà cửa ngẩn ngơ”. Dưới con mắt nhà thơ, mọi vật đều có linh hồn, có trái tim và cần thiết có sức sống, có vẻ đẹp trong sự toàn vẹn. Thi nhân không muốn chấp nhận cái lưng chừng đến khổ sở. Dù là một giây, một phút, một khoảnh khắc thôi, cũng xin phát huy hết mình, đem lòng mình hòa nhập trong cái tuyệt đối vĩnh hằng:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt quanh năm.*

Từ nỗi “thương vầy” chưa có sức khái quát, chưa tạo nên bề sâu, sang đoạn hai, tình thương ấy cụ thể mà sâu sắc hơn trong quan niệm triết lí nhân sinh. Xuân Diệu thương hai cô gái – thương “hai cánh đồng”. Hai người hiền ngây ngây, thơ thơ, lạng lẽ, ngơ ngác như một thứ hư vô. Trong cái không vẹn toàn của sự vật, Quỳnh cũng chỉ hơi hơi xinh, bước chân Giao cao thấp không đều; cô không giữ mà cũng không hiền. Tuổi trẻ của hai cô mờ lẩn, hòa trong cái buồn mờ, buồn lạng nhưng buồn lâu. Không có tiếng cười, không có niềm vui sống, con người như phôi pha trong dáng chiều ngẩn ngơ. Và thi nhân tinh tế nhận ra “hai cô ngồi trong một buổi chiều rất đối ngẩn ngơ, một buổi chiều triền miên của sự vật và của linh hồn, một buổi chiều trong nhà và trong tâm lí”. Trong hai cô, tác giả cảm nghe sự mờ nhạt của cuộc đời – nhòa lẫn cùng đời, như tan ra trong cát bụi. Có nỗi buồn nào hơn, còn niềm trăn trở nào sâu lắng, bức xúc hơn.

Tạo hóa đã sinh ra con người, ban phát cho con người trái tim và một niềm vui sống, một sự tự ý thức về bản thân và về những sự việc đang diễn ra xung quanh mình. Nhưng có đáng sợ chẳng, khi Xuân Diệu nhận ra rằng: chính Quỳnh và Giao cũng không biết mình buồn nữa! Hai cô lạng lờ hết vào ra. Hai cô không có việc làm. Hai cô không có niềm vui, không có niềm hạnh phúc. Thi nhân “cảm giùm cho hai kẻ ngơ ngác và lạng thình ngấm một cảnh tà dương”. Thương hai cô gái, tác giả chợt liên tưởng tới những cuộc đời đã phôi pha theo thời gian mà “cái chết đã nhận những linh hồn kia, cái chết đã là một mục đích”. Sống mà như không sống, sức tàn tạ, phai nhạt theo dòng đời nghiệt ngã vẫn cuốn trôi. Đến như ta, một lúc nhìn lại, chợt giật mình khi nghĩ tới những ngày đã qua. Và ta, khao khát sống, khao

khát công hiến đến nhường nào! Vậy mà, trong xã hội Việt Nam 1930 – 1945, đâu chỉ có cuộc đời lẩn trong mù sương của hai cô gái Quỳnh – Giao. Nó đã phổ biến, đã tràn lên trên bề mặt cuộc sống trong “nỗi ù u của cái Ao Đồi bằng phẳng”. Cuộc sống quanh quẩn ở trong cả việc “Com mai rồi com chiều, rút cục mỗi ngày hai bữa cơm”. Một nỗi buồn mơ hồ nhạt nhẽo của ngày này tiếp theo ngày nọ, buồn trong tiếng kêu vo vo của đôi con ruồi lơ thơ đậu dưới đất. Trong cái thê lương ấy, một nét lặng thinh choáng ngợp tâm hồn Xuân Diệu. Thì ra, thương người, thương đời chính là thương mình, thương thân. “Ao Đồi bằng phẳng” ấy dù có khuấy động lên đôi chút, rồi cũng chỉ chìm vào tĩnh lặng mà thôi. Xã hội ấy đối lập và không chấp nhận cái tôi mạnh mẽ, khao khát sống, khao khát bộc lộ, giao cảm với đời của Xuân Diệu. Vì thế thái độ sống gấp gáp vội vàng đến cuồng nhiệt ta bắt gặp ở thi nhân cũng là điều dễ hiểu. Nhưng tài năng, ý thức của bản thân cá nhân, xã hội ấy đâu dễ dàng đã hiểu. Cái tù đọng của một tầng lớp trí thức – tiểu tư sản lúc ấy (trong đó có Xuân Diệu) là nguyên nhân sâu sắc để cảm thông những người xung quanh – chỉ biết buồn – buồn mờ, buồn lặng nhưng buồn lâu.

Bài văn có tính chất hướng nội, một cảm hứng nhân đạo sâu sắc, Xuân Diệu đã tìm được cội nguồn của nỗi thương vay. Trong một giây phút “Giật mình mình lại thương mình xót xa”, Xuân Diệu đã kịp nhận ra những con người đồng cảm cùng mình cũng đáng thương biết bao trong xã hội “Điều tàn” (Chế Lan Viên) thủa ấy.

Độc giả thường thức câu chuyện, sau khi để cho cái toàn khối “ập vào tâm tư một giây” (chữ dùng của Sêkhốp) đã chợt bừng tỉnh, chợt nhận ra điều sâu xa thi nhân muốn gửi gắm, tâm sự, giải bày. Xuân Diệu kết thúc thiên truyện, đóng khép lại trang văn làm người đọc có chút gì luyến tiếc. Nó chỉ mở ra cái buồn lan, buồn tỏa. Một giọt nước mắt nhòe mi của cô em cũng như chạy đến mạch cuối truyện rồi cũng ngưng đọng vĩnh viễn – một trạng thái ngưng đọng của tâm hồn mà không có cách nào giải quyết.

Tỏa nhị Kiều là một thi phẩm có giá trị trong cách miêu tả bề sâu tâm hồn con người và cuộc sống của họ. Đó là một niềm mong mỏi được giải thoát, được “cứu nạn” hay được quẫy ra khỏi Ao Đồi tù đọng. Xuân Diệu muốn Quỳnh và Giao là đối tượng để thực hiện tư tưởng tiến bộ của một cuộc “vật loạn” mà “thoát xác”. Nhưng hai cô lại không biết mình buồn; không biết mình đang chết, đang “chết mòn” dù là còn đang sống. Hai cô lặng lẽ, ngờ ngác, không ý thức về mình. phải chăng, cuộc sống ấy, hai cô dễ dàng chấp nhận và đồng tình mà không hề muốn thay đổi, muốn cải tạo nó. Không! Xuân Diệu thì khác! Dưới tầm nhìn của thi nhân, cuộc sống của hai cô không những nó làm cho tác giả thương mà còn nhận ra một sự đồng cảm, đồng cảnh ghê ghớm. Thi nhân quẫy đạp, chạy trốn cái đơn điệu nhưng cuối cùng rơi vào bất lực tuyệt vọng. Thiên truyện khép lại hiện tại mà không mở ra tương lai...

Trong *Tỏa nhị Kiều*, nhân vật “tôi” muốn làm một vị cứu tinh để gây sự đảo lộn cuộc sống của hai cô Kiều. Anh sẽ trêu ghẹo hai cô, sẵn sàng nhận ở đó một lời chửi mắng chua ngoa hay một lời trêu ghẹo, bất cứ là gì ngoài cái “hiền lành, hiền hậu làm tôi khó chịu quá”. Để rồi, ý định ấy lại thất vọng. Đó chỉ là một mong ước – duy nhất mà không thành. Sự thất vọng và thất bại hoàn toàn của nhân vật “tôi” đẩy sự “thương vầy” của anh ta đến chỗ bế tắc. Hạn chế của Xuân Diệu là đã không chỉ ra một con đường, một lí tưởng xã hội, một hướng giải quyết đúng đắn, để thay đổi, xóa bỏ cuộc đời vô nghĩa, mờ nhạt. Nếu chỉ dùng biện pháp có tính cái lương êm ái, trong phạm vi chủ nghĩa cá nhân thì tình yêu cũng chưa đủ; mặc dù Xuân Diệu có đặt vấn đề “còn hai cô – hai cô lại cần tình yêu” nhưng nếu có ai đó đem tình yêu đến cho hai cô thì liệu cái “Ao Đồi” kia có sóng lên được bao nhiêu và bao lâu? Xuân Diệu chẳng từng đã “Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ” đó sao?

Chính cái khát vọng sống mạnh mẽ trong cái cuộc sống không ra sống ấy đã đưa Xuân Diệu đến với cách mạng. và ông đã sống sôi nổi, sống hết mình như ông hằng mong muốn, duy có điều, đó không phải là sự cựa quậy trong “Ao Đồi bằng phẳng” mà là sự phát huy tất cả những tiềm năng trong mình để góp sóng với biển đời rộng lớn. Và chắc ông đã cứu được bao cuộc đời như Quỳnh, như Giao – điều mà trước kia, ông rất tha thiết nhưng chưa làm được.

Chu Thúy Hằng – Lớp 11 chuyên Văn
Trường PTTH Công nghiệp Hà Đông